



Thứ ba, ngày 26 tháng 2 năm 2019

Vietnam Daily Review

Phiên điều chỉnh

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 27/2/2019		•	
Tuần 25/2-1/3/2019		•	
Tháng 2/2019		•	

Điểm nhấn

- Chỉ số VN-Index giảm điểm trong phiên sáng, trong phiên chiều đã giảm điểm tiếp tục tăng.
- Nhóm cổ phiếu kéo chỉ số tăng điểm nhiều nhất bao gồm VRE (+0.42 điểm); PPC (+0.119 điểm); DHG (+0.112 điểm); GEX (+0.1 điểm); HT1 (+0.08 điểm).
- Nhóm cổ phiếu khiến thị trường giảm điểm bao gồm VNM (-2.92 điểm); VIC (-0.77 điểm); GAS (-0.75 điểm); PLX (-0.63 điểm); VCB (-0.45 điểm).
- Dòng tiền tập trung vào nhóm cổ phiếu ngành xây dựng & vật liệu và y tế, thanh khoản giảm nhẹ so với phiên ngày giao dịch hôm qua.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index trong phiên đạt 4,141.39 tỷ đồng. Biên độ dao động trong phiên là 17.2 điểm. Thị trường có 132 mã tăng và 170 mã giảm.
- Kết thúc phiên giao dịch ngày hôm nay, VN-Index giảm 7.37 điểm, đóng cửa tại 987.06 điểm. Cùng lúc đó, HNX-Index tăng 0.05 điểm lên 107.61 điểm.
- Khối ngoại hôm nay đã mua ròng 154.77 tỷ đồng trên sàn HOSE tập trung tại các mã GEX (50.41 tỷ), VCB (41.54 tỷ) và HPG (39.03 tỷ). Bên cạnh đó, họ đã bán ròng 566.61 tỷ đồng trên sàn HNX.

Nhận định thị trường

Chỉ số VN-Index trong phiên sáng giảm điểm do lực bán tập trung lớn ở nhóm blue-chips như VNM, GAS, MSN và VIC. Trong phiên chiều, đã giảm tiếp tục tăng, bởi lực bán lớn gia tăng ở nhóm cổ phiếu này. Khối ngoại mua ròng và thanh khoản giảm nhẹ so với phiên trước. Theo quan điểm của BSC, tâm lý chốt lời sau 1 khoảng thời gian tăng khá dài phần nào tác động đến sự giảm điểm của thị trường ngày hôm nay. Cùng với đó, dòng vốn ngoại bắt đầu giảm phần nào khiến cho thị trường thiếu dòng tiền hỗ trợ. Nhà đầu tư nên chú ý diễn biến thị trường trong nước và quốc tế ngày mai để có thể xem xét quyết định đầu tư có hiệu quả.

Phân tích kỹ thuật:

GMD_Xu thế tăng

(Vui lòng tải và xem trang 2)

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Quang

quangd@bsc.com.vn

VN-INDEX 987.06

Giá trị: 4141.39 tỷ **-7.37 (-0.74%)**

Khối ngoại (ròng): 154.77 tỷ

HNX-INDEX 107.66

Giá trị: 547.54 tỷ **0.05 (0.05%)**

Khối ngoại (ròng): -566.61 tỷ

UPCOM-INDEX 55.58

Giá trị: 247.92 tỷ **-0.01 (-0.02%)**

Khối ngoại(ròng): 9.87 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	55.4	-0.16%
Giá vàng	1,325	-0.20%
Tỷ giá USD/VND	23,207	-0.04%
Tỷ giá EUR/VND	26,333	0.08%
Tỷ giá JPY/VND	20,926	0.12%
LS liên NH 1 tháng	0.0%	0.00%
LS TPCP 5 năm	3.8%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
GEX	50.4	VHM	51.1
VCB	41.5	VIC	39.2
HPG	39.0	DHG	23.6
SSI	36.6	PVD	15.7
MSN	19.0	PLX	14.8

Nguồn: BSC Research

Tổng quan thị trường	Trang 1
Phân tích kỹ thuật	Trang 2
Danh mục khuyến nghị	Trang 3
Cổ phiếu lớn	Trang 4
Thống kê thị trường	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7

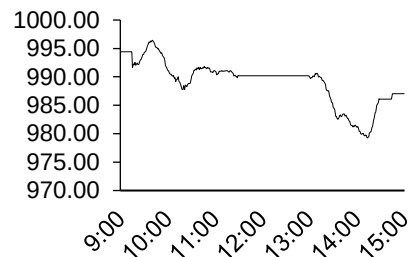
Mã	Thanh khoản (tr \$)	Đóng cửa (nghìn)	Hỗ trợ (nghìn)	Kháng cự (nghìn)	Trạng thái	Ghi chú
VNM	5.2	146.1	138.09	120.00	NGỪNG BÁN	Tăng giá kéo dài
VJC	5.0	123.6	118.71	117.50	MUA	Hồi phục giá trong ngắn hạn
VIC	4.0	115.5	112.13	98.80	NGỪNG MUA	Tăng giá kéo dài
NTC	0.6	112.0	91.23	83.80	NGỪNG MUA	Tăng giá kéo dài
DHG	2.9	111.9	87.85	72.70	MUA	Tăng giá kéo dài
PNJ	1.5	98.2	96.58	86.40	NGỪNG BÁN	Tăng giá kéo dài
GAS	3.9	97.9	93.08	87.50	NGỪNG MUA	Hồi phục giá trong ngắn hạn
VHC	2.1	97.1	91.11	91.10	MUA	Tăng giá kéo dài
VHM	4.4	92.0	79.65	77.50	NGỪNG MUA	Tăng giá kéo dài
MSN	3.5	90.0	83.92	77.50	NGỪNG MUA	Tăng giá kéo dài

Đặng Quang

quangd@bsc.com.vn

Hình 1

HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

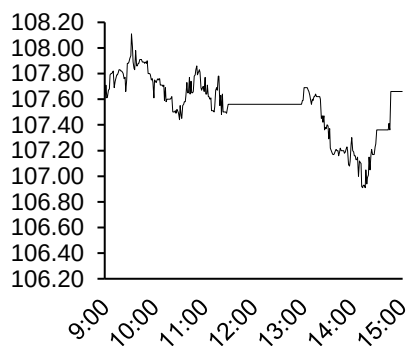
Phân tích kỹ thuật

GMD_Xu thế tăng

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: tăng trong ngắn hạn và và giữ đà tăng trong trung hạn
- Chỉ báo xu hướng MACD: MACD ở trên đường tín hiệu và ở trên đường trung tâm.
- Chỉ báo RSI: trong vùng mua, xu hướng tiếp tục vận động trong vùng mua.
- Đường MA: tất cả các đường MA tiếp tục vận động hướng lên trừ MA 50 tiếp tục giảm.

Nhận định: GMD vận động trong vùng tích lũy trên mốc hỗ trợ 27.45 (tương ứng với Fibonacci 50%) và trong đà hồi phục từ vùng đáy 25.1 giữa tháng 1/2019. Thanh khoản cổ phiếu trong trạng thái tích cực. Chỉ báo RSI ủng hộ xu hướng tăng trong ngắn và trung hạn và chỉ báo MACD cho thấy dấu hiệu GMD tăng giá trong các phiên sau. Vận động các đường MA tiếp tục cho thấy đà hồi phục sẽ tiếp tục được duy trì. Nếu cổ phiếu tiếp tục duy trì vận động trên ngưỡng 27.45 với thanh khoản tích cực, GMD sẽ tiếp tục đà tăng đến ngưỡng kháng cự 28.45 và 29.8. Nếu GMD mất mốc 27.45 thì cổ phiếu sẽ điều chỉnh về vùng giá quanh mức hỗ trợ 26.89.



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Hợp đồng tương lai

Ticker	Đóng	± Ngày	± KLGD
VN30F1903	922.9	-1.5%	23.0%
VN30F1904	922.1	-1.4%	8.9%
VN30F1906	926.0	-17.6%	-17.6%
VN30F1909	921.4	-1.2%	403.6%

Bảng 2

Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VRE	35	1.8	0.4
SBT	20	2.0	0.1
DHG	112	2.6	0.1
GMD	28	1.3	0.1
ROS	36	0.6	0.0

Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VNM	146	-4	-3.5
TCB	27	-1	-0.9
MSN	90	-1	-0.9
MBB	22	-2	-0.7
HPG	35	-1	-0.5



Danh mục khuyến nghị

Danh mục ngắn hạn

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dùng lỗ	Mục tiêu
1	REE	20/7/2018	32.70	34.10	4.3%	30.1	37.6
2	HT1	22/8/2018	12.60	16.25	29.0%	11.6	14.5
3	PTB	10/4/2018	64.00	62.00	-3.1%	58.9	73.6
4	PVD	9/1/2019	15.50	17.30	11.6%	14.3	17.8
5	VJC	25/1/2019	122.50	123.60	0.9%	112.7	140.9
Trung bình					10.4%		

Nguồn: BSC Research

Danh mục CANSLIM

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dùng lỗ	Mục tiêu
1	HCM	1/3/2019	22.3	30.60	37.2%	21.2	26.8
Trung bình					37.2%		

Nguồn: BSC Research

Danh mục cơ bản

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dùng lỗ	Mục tiêu
1	TCB	31/10/2018	26.9	27.5	2.0%	25.0	30.0
2	POW	12/4/2018	15.6	16.3	4.2%	14.4	18.7
Trung bình					3.1%		

Nguồn: BSC Research

Mã	Ngành	Đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	88.5	-1.2%	0.7	1,705	3.1	6,696	13.2	4.4	49.0%	38.7%
PNJ	Bán lẻ	98.2	-1.8%	1.0	713	1.5	5,874	16.7	4.4	49.0%	28.7%
BVH	Bảo hiểm	93.2	-1.8%	1.3	2,840	0.5	1,519	61.4	4.4	24.8%	7.3%
PVI	Bảo hiểm	33.7	0.0%	0.7	339	0.1	2,230	15.1	1.1	43.9%	7.6%
VIC	Bất động sản	115.5	-0.7%	1.1	16,027	4.0	1,126	102.6	6.5	9.3%	8.0%
VRE	Bất động sản	34.5	1.8%	1.1	3,493	3.2	1,033	33.4	2.8	32.0%	8.8%
NVL	Bất động sản	59.4	-0.7%	0.8	2,403	1.2	3,452	17.2	2.8	6.8%	20.1%
REE	Bất động sản	34.1	0.9%	1.1	460	1.3	5,754	5.9	1.1	49.0%	20.6%
DXG	Bất động sản	24.3	-1.8%	1.4	370	1.2	3,415	7.1	1.7	48.9%	26.7%
SSI	Chứng khoán	28.5	-0.3%	1.3	631	3.5	2,611	10.9	1.6	58.3%	14.8%
VCI	Chứng khoán	41.7	0.7%	1.0	296	0.6	5,047	8.3	1.9	40.7%	24.7%
HCM	Chứng khoán	30.6	2.3%	1.5	287	1.4	2,650	11.5	2.5	60.6%	23.1%
FPT	Công nghệ	45.2	-0.7%	0.9	1,206	1.3	3,902	11.6	2.2	49.0%	21.9%
FOX	Công nghệ	51.0	0.0%	0.4	501	0.0	3,453	14.8	3.8	0.2%	26.5%
GAS	Dầu khí	97.9	-1.3%	1.5	8,147	3.9	6,216	15.7	4.1	3.5%	27.8%
PLX	Dầu khí	57.0	-2.7%	1.5	2,872	3.6	3,203	17.8	3.2	10.8%	18.1%
PVS	Dầu khí	20.6	-0.5%	1.7	428	5.9	2,185	9.4	0.9	23.7%	9.5%
BSR	Dầu khí	13.9	-2.1%	0.8	1,874	0.9	#N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
DHG	Dược	111.9	2.6%	0.6	636	2.9	4,448	25.2	4.7	46.2%	19.8%
DPM	Hóa chất	20.9	-0.7%	0.7	355	0.5	1,551	13.4	1.0	23.2%	8.8%
DCM	Hóa chất	9.0	-0.7%	0.7	208	0.2	1,115	8.1	0.8	3.3%	9.5%
VCB	Ngân hàng	63.0	-0.6%	1.3	10,159	5.4	4,070	15.5	3.6	23.4%	25.2%
BID	Ngân hàng	33.6	-1.2%	1.6	4,994	2.1	2,152	15.6	2.2	3.1%	15.1%
CTG	Ngân hàng	21.4	0.2%	1.6	3,456	6.1	1,456	14.7	1.2	29.4%	8.3%
VPB	Ngân hàng	21.3	-0.9%	1.2	2,275	2.7	2,989	7.1	1.5	23.2%	22.8%
MBB	Ngân hàng	22.1	-1.8%	1.2	2,071	6.5	2,829	7.8	1.5	20.0%	20.1%
ACB	Ngân hàng	30.8	-0.6%	1.1	1,670	3.0	4,119	7.5	1.8	34.3%	27.7%
BMP	Nhựa	50.0	3.3%	0.9	178	0.2	5,230	9.6	1.7	76.6%	17.5%
NTP	Nhựa	38.9	-0.3%	0.3	151	0.1	3,715	10.5	1.5	22.6%	15.3%
MSR	Tài nguyên	18.8	-1.1%	1.2	735	0.0	229	82.2	1.5	2.1%	1.8%
HPG	Thép	34.5	-0.9%	1.1	3,186	11.2	4,037	8.5	1.8	39.5%	23.6%
HSG	Thép	8.9	4.6%	1.6	149	2.8	355	25.1	0.7	15.7%	2.6%
VNM	Tiêu dùng	146.1	-3.6%	0.7	11,062	5.2	5,294	27.6	9.9	59.7%	37.5%
SAB	Tiêu dùng	247.0	-0.3%	0.8	6,887	0.3	6,334	39.0	10.5	9.8%	29.4%
MSN	Tiêu dùng	90.0	-1.3%	1.2	4,551	3.5	4,578	19.7	3.6	42.1%	22.2%
SBT	Tiêu dùng	20.2	2.0%	0.6	461	1.1	290	69.7	1.8	11.5%	2.8%
ACV	Vận tải	90.1	-0.7%	0.8	8,528	0.4	1,883	47.8	7.2	3.6%	15.9%
VJC	Vận tải	123.6	-0.7%	1.1	2,911	5.0	9,632	12.8	4.8	22.5%	42.6%
HVN	Vận tải	38.8	0.3%	1.7	2,393	0.9	1,727	22.5	3.2	9.5%	14.6%
GMD	Vận tải	27.9	1.3%	0.8	360	0.7	6,153	4.5	1.4	49.0%	29.4%
PVT	Vận tải	17.1	-0.3%	0.7	209	0.2	2,281	7.5	1.2	33.1%	16.7%
VCS	Vật liệu xây dựng	66.5	4.1%	1.0	453	1.0	6,057	11.0	3.8	2.5%	43.8%
VGC	Vật liệu xây dựng	21.6	4.3%	0.9	421	5.6	1,254	17.2	1.5	24.9%	9.0%
HT1	Vật liệu xây dựng	16.3	4.8%	0.8	270	0.3	1,690	9.6	1.2	5.9%	12.5%
CTD	Xây dựng	135.6	-0.3%	0.8	445	0.5	18,357	7.4	1.3	46.6%	18.8%
VCG	Xây dựng	27.9	1.8%	1.2	536	1.4	1,021	27.3	1.8	0.0%	7.5%
CII	Xây dựng	23.5	-0.6%	0.5	253	3.1	334	70.4	1.2	52.5%	1.6%
POW	Điện	16.3	-0.9%	0.6	1,655	1.2	716	22.7	1.6	15.4%	6.8%
NT2	Điện	29.8	2.8%	0.6	373	1.0	2,618	11.4	2.3	23.0%	17.4%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VRE	34.50	1.77	0.43	2.18MLN
PPC	24.30	5.19	0.12	1.13MLN
DHG	111.90	2.57	0.11	596640.00
GEX	24.70	3.56	0.11	5.31MLN
HT1	16.25	4.84	0.09	441660.00

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VGC	21.60	4.35	0.18	6.03MLN
VCS	66.50	4.07	0.08	352000.00
DGC	43.90	2.09	0.06	112600.00
VGS	12.60	9.57	0.04	359300.00
TAR	21.50	9.69	0.04	100.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VNM	146.10	-3.63	-2.92	806810.00
VIC	115.50	-0.69	-0.78	792710.00
GAS	97.90	-1.31	-0.76	919960.00
PLX	57.00	-2.73	-0.63	1.46MLN
VCB	63.00	-0.63	-0.45	1.98MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	30.80	-0.65	-0.25	2.28MLN
NVB	8.50	-2.30	-0.06	199500.00
PVS	20.60	-0.48	-0.02	6.60MLN
CEO	13.20	-1.49	-0.02	769200.00
DHT	37.70	-3.08	-0.02	14300.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TDW	26.75	7.00	0.01	770.00
DAT	18.35	7.00	0.02	220.00
CRC	20.65	6.99	0.01	203080.00
ST8	17.65	6.97	0.01	530.00
LCG	9.84	6.96	0.02	4.70MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NHP	0.70	16.67	0.00	510500.00
DCS	0.80	14.29	0.01	84000.00
SPI	0.80	14.29	0.00	907400.00
KTS	19.80	10.00	0.01	100.00
POT	17.60	10.00	0.01	100.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TMT	7.33	-6.98	-0.01	12510.00
TCD	13.50	-6.90	-0.01	70090.00
DXV	3.54	-6.84	0.00	10.00
CLL	28.60	-6.84	-0.02	300.00
TPC	11.15	-6.69	-0.01	120.00

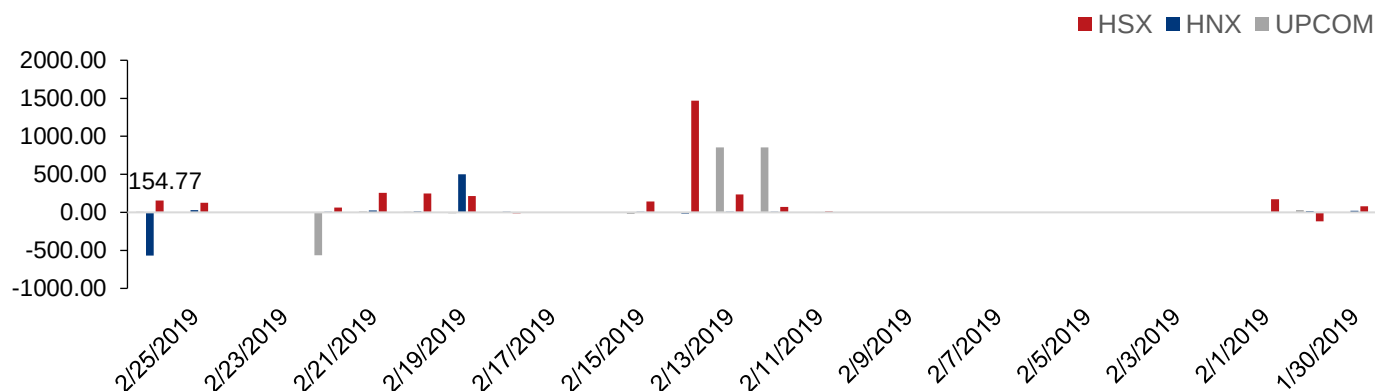
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PVV	0.50	-16.67	0.00	96400.00
BII	0.70	-12.50	0.00	496600.00
CKV	18.90	-10.00	0.00	100.00
VIE	13.60	-9.93	0.00	1000.00
TFC	7.60	-9.52	-0.01	100.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo	Link dự phòng
1	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click	
2	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click	
3	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click	
4	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click	
5	VM_M11_Giao dịch giằng co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click	
6	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi	Phân tích vĩ mô		Click	
7	Vĩ mô_Quý 3/2018_Mùa công bố KQKD quý III	Phân tích vĩ mô		Click	
8	BSC_Việt Nam TTCK Mới nổi FTSE	Phân tích vĩ mô		Click	
9	Vĩ mô_Tháng 08_Kỳ vọng nâng hạng từ FTSE	Phân tích vĩ mô		Click	
10	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2018	Phân tích ngành		Click	
11	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2018	Phân tích ngành		Click	
12	Vĩ mô_Tháng 07_Phân hóa sau mùa KQKD quý II	Phân tích vĩ mô		Click	
13	Vĩ mô 2018M6_Ấn số từ các yếu tố bên ngoài	Phân tích vĩ mô		Click	
14	Vĩ mô 2018M5_Phục hồi từ hoạt động đầu tư cơ	Phân tích vĩ mô		Click	
15	Vĩ mô 2018M4_Câu chuyện của niềm	Phân tích vĩ mô		Click	
16	Vĩ mô 2018M3_Hành trình vượt đỉnh 11	Phân tích vĩ mô		Click	
17	Vĩ mô 2018M02_Tích lũy để tăng	Phân tích vĩ mô		Click	
18	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2018M01	Phân tích vĩ mô		Click	
19	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2018	Phân tích vĩ mô		Click	
20	BSC_Vietnam Sector Review_2017_VN_Part 1	Phân tích ngành		Click	

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo	Link dự phòng
1	VHC	Thủy sản	Theo dõi	20/12/2018	85.9	108.6	97.1	15,644	6.2	2.2	Click	
2	CSV	Hóa chất	Mua	19/12/2018	29.9	36.6	28.5	5,695	5.0	1.5	Click	
3	CMG	Công nghệ	Theo dõi	13/12/2018	24.4	27.0	28.5	1,677	17.0	1.9	Click	
4	VSC	Cảng biển	Mua	12/12/2018	42.6	50.4	45.0	5,995	7.5	1.4	Click	
5	KBC	Bất động sản	Mua	13/12/2018	14.5	18.1	14.7	1,591	9.2	0.8	Click	
6	HPG	Thép	Nắm giữ	11/12/2018	33.8	38.0	34.5	4,037	8.5	1.8	Click	
7	PVT	Vận tải	Mua	28/11/2018	16.1	21.7	17.1	2,281	7.5	1.2	Click	
8	MWG	Bán lẻ	Mua	22/11/2018	84.8	124.0	88.5	6,696	13.2	4.4	Click	
9	BMP	Nhựa	Nắm giữ	20/11/2018	55.3	60.8	50.0	5,230	9.6	1.7	Click	
10	VNM	Thực phẩm	Theo dõi	19/11/2018	115.0	124.3	146.1	5,294	27.6	9.9	Click	
11	PNJ	Bán lẻ	Mua	15/11/2018	93.5	130.7	98.2	5,874	16.7	4.4	Click	
12	FPT	Công nghệ	Mua	14/11/2017	41.7	59.1	45.2	3,902	11.6	2.2	Click	
13	DRC	Cao su	Mua	14/11/2018	21.3	27.2	22.2	1,167	19.0	1.7	Click	
14	TCM	Dệt may	Nắm giữ	13/11/2018	25.5	26.6	29.3	4,070	7.2	1.3	Click	
15	ANV	Thủy sản	Theo dõi	11/2/2018	25.9	28.3	28.5	4,811	5.9	1.9	Click	
16	CTD	Xây dựng	Mua	11/5/2018	151.5	177.9	135.6	18,357	7.4	1.3	Click	
17	HDG	Bất động sản	Mua	10/9/2017	38.3	50.2	37.0	7,493	4.9	2.0	Click	
18	GMD	Cảng biển	Mua	10/5/2018	28.4	36.8	27.9	6,153	4.5	1.4	Click	
19	EVE	Dệt may	Nắm giữ	10/2/2018	16.0	18.2	15.4	1,929	8.0	0.6	Click	
20	RAL	Tiêu dùng	Mua	21/9/2018	103.8	124.2	82.9	17,772	4.7	1.2	Click	

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: BSCV <GO>

